

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 17/02/2022.

“V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hòa Hợp.

2. Ông Võ Văn Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST - DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Trang Thanh S, sinh năm 1987.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 cũng như tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Vào năm 2012, bà N và ông S sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà N và Ông S sống hạnh phúc đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống, bà N và Ông S có hai người con chung tên Trang Khải N sinh ngày 27/9/2013 và Trang Huyền A sinh ngày 22/02/2016. Hiện cháu Khải N và cháu Huyền A đang sống cùng bà N. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trang Thanh S.

- Về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Trang Khải N sinh ngày 27/9/2013 và Trang Huyền A sinh ngày 22/02/2016 và yêu cầu Ông S cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Trang Khải N sinh ngày 27/9/2013 và Trang Huyền A sinh ngày 22/02/2016 đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn ông Trang Thanh S: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Tại biên bản xác minh 10/01/2022, đại diện ban nhân dân Ấp M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho biết về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông S và bà N thì địa phương không nắm rõ, vì khi xảy ra mâu thuẫn các bên không có đơn trình báo chính quyền giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HDXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trang Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó HDXX căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, bà N và ông S sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập

Ông S đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng Ông S vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông S.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác định trong thời chung sống bà và ông S có hai người con chung tên Trang Khải N sinh ngày 27/9/2013 và Trang Huyền A sinh ngày 22/02/2016. Tại phiên tòa bà N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N yêu cầu được nuôi hai con đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu Khải N và cháu Huyền A đều do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của hai cháu Khải N và cháu Huyền A. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu Khải N và cháu Huyền A, HĐXX quyết định giao cháu Khải N và cháu Huyền A cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu cháu Nguyễn.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác định trong thời gian chung sống bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Trang Thanh S.

2/ Về con chung: Giao cháu Trang Khải N sinh ngày 27/9/2013 và Trang Huyền A sinh ngày 22/02/2016 cho bà Nguyễn Thị Bích N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Trang Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trang Thanh S mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N xác định trong thời gian chung sống ông bà không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003255 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà N đã nộp xong án phí. Ông Trang Thanh S không phải chịu án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà